

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 22/6/2018

Về việc: “Yêu cầu chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Lâm.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Diện; Ông Phan Tùng Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

Đại diện VKSND huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc: **"Yêu cầu chia di sản thừa kế"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-DS ngày 13/4/2018 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 04/2018/TB-TA ngày 14/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M - Sinh năm: 1956 (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị H- Sinh năm 1950 (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị C - Sinh năm: 1950 (Có mặt)

2. Anh Trần Xuân T - Sinh năm: 1974 (Có mặt)

3. Anh Phạm Văn T1 - Sinh năm: 1959 (Có mặt)

4. Chị Phạm Thị H1 - Sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

5. Chị Phạm Thị L - Sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2

6. Bà Phạm Thị V - Sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn C2, xã I, huyện Đ, tỉnh G

7. Chị Phạm Thị T3 - Sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ4, xã E, huyện K, tỉnh Đ3

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Văn T1:

1. Luật sư Phan Văn C3 (Vắng mặt);

2. Luật sư Nguyễn Thị Q (Có mặt).

Địa chỉ: 58A N1, thành phố H2, tỉnh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017; bản tự khai ngày 10/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị M trình bày: Bố bà M là ông Phạm Đ1 đã chết năm 1995 và mẹ là bà Dương Thị N2 đã chết năm 2003. Trước khi chết bố mẹ bà M để lại di sản thừa kế là một thửa đất có diện tích khoảng 1800m² tại thửa số 99 tờ bản đồ 30 bản đồ địa chính chính quy thuộc thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Trước khi chết bố mẹ bà M đều không để lại di chúc. Thửa đất đó khi còn sống bố mẹ bà M đã thống nhất chia $\frac{1}{2}$ diện tích cho cháu Trần Xuân T và chị gái Phạm Thị H quản lý sử dụng trồng cây phi lau, còn $\frac{1}{2}$ đất vườn để lại cho em gái Phạm Thị Q1. Trong thời gian sinh sống bố mẹ bà M sinh được 05 chị em gái bao gồm: Phạm Thị H, Phạm Thị C, Phạm Thị M (Tôi), Phạm Thị V và Phạm Thị Q1 (đã chết).

Trước khi lấy mẹ bà M, bố bà M lấy bà Nguyễn Thị A (bà A chết trước khi bố bà M lấy mẹ bà M), bố bà M và bà A sinh được người con trai tên là Phạm Đ2 (anh Phạm Đ2 chết năm 2006). Anh Phạm Đ2 sinh được một người con là anh Phạm Văn T1. Anh Phạm Đ2 trước đây bố mẹ bà M đã cho một thửa vườn trên 1000m² và 05 gian nhà lim là mảnh vườn và ngôi nhà cả gia đình bà M sinh sống. Sau khi cho anh Phạm Đ2 đất vườn thì bố mẹ bà M đến làm nhà sinh sống tại thửa đất số 99 thuộc tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính chính quy. Thửa đất này bố mẹ bà M cho cháu T một nửa, một nửa còn lại cho em bà M là bà Phạm Thị Q1. Em Q1 là người tàn tật nên được UBND xã T2 xây dựng cho một căn nhà đại đoàn kết có diện tích khoảng 25m². Hiện nay, ngôi nhà đó đang làm nơi thờ cúng bố mẹ và em Q1. Nhưng anh Phạm Văn

T1 là cháu thường xuyên đến quấy rối, chặt cây, đòi tranh đất. Hiện nay bà M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà chia thừa kế là di sản của bố mẹ để lại.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn Phạm Thị H và người có quyền lợi liên quan Phạm Thị V, Phạm Thị C trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn Phạm Thị M.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi liên quan Trần Xuân T trình bày: Anh T ở với ông bà ngoại là ông Phạm Đ1 đã chết năm 1995 và bà Dương Thị N2 đã chết năm 2003 từ lúc 01 tuổi đến khi 18 tuổi. Khi còn sống, ông bà ngoại đã cho anh T $\frac{1}{2}$ đất vườn nhưng không làm giấy tờ gì. Anh T đã trồng cây Phi lau nhưng hiện nay anh T1 đến chặt phá cây để tranh giành đất. Anh T xuất trình Biên bản họp anh em ngày 09/10/2013, do bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C và anh Trần Xuân T thỏa thuận về việc chia cho anh Trần Xuân T $\frac{1}{2}$ thửa đất. Anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà giải quyết để anh T được hưởng $\frac{1}{2}$ đất vườn ông bà ngoại đã cho.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi liên quan Phạm Văn T1 trình bày: Thửa đất trước đây của ông Phạm Đ1, sau khi ông Phạm Đ1 chết để lại cho con trai là ông Phạm Đ2, khi ông Phạm Đ2 chết để lại cho con trai Phạm Văn T1. Năm 2012 gia đình anh T1 cho người con gái ông Phạm Đ1 200m² đất vườn để làm nhà ở. Hiện nay các o đã xuất giá về đòi lại mảnh đất thì phải có giấy thừa kế của cố can, ông bà để lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2018; các đơn trình bày ngày 08/6/2018 và ngày 13/6/2018 và: Chị Phạm Thị H1; chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị T3 từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình được hưởng, đồng thời nhường phần di sản của mình được hưởng cho anh Phạm Văn T1.

Tại biên bản hòa giải lần 1 ngày 13/03/2018 và lần 2 ngày 03/04/2018, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị C thỏa thuận: Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của em gái là bà Phạm Thị Q1 để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 210 về phía Bắc, tờ bản đồ số 70 bản đồ địa chính chính quy và ngôi nhà có diện tích 25,3m² gắn liền với đất thành

06 phần cho các đồng thừa kế gồm: bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị V mỗi người 01 phần. Còn 02 phần giao cho cháu đích tôn Phạm Văn T1, trong đó, 01 phần anh Phạm Văn T1 hưởng thừa kế thế vị suất của ông Phạm Đ2 (là anh trai bà M - cha anh Phạm Văn T1) và 01 phần di sản dùng vào việc thờ cúng. Đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất còn lại về phía Nam, khi còn sống, bố mẹ đã cho cháu Trần Xuân T, nên không yêu cầu chia và đề nghị giao cho cháu T tiếp tục quản lý sử dụng.

Anh Trần Xuân T đồng ý với ý kiến của bà M, bà C và bà H về việc giao cho anh quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 210 về phía Nam, tờ bản đồ số 70 bản đồ địa chính chính quy thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2 do ông bà ngoại cho lúc ông bà còn sống. Do thửa đất có mặt tiền dài 29,9m nên anh Trần Xuân T thỏa thuận lấy 14,9m mặt tiền, còn lại 15m giao cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Q1.

Anh Phạm Văn T1 nhất trí với phương án chia di sản thừa kế thành 06 phần và giao cho anh T1 sử dụng 02 phần như ý kiến trình bày của bà M, bà H và bà C. Anh T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà để lại là cả thửa đất số 210, tờ bản đồ số 70 bản đồ địa chính chính quy và ngôi nhà có diện tích 25,3m² gắn liền với đất thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2.

Ngày 23/4/2018, bà Phạm Thị V có đơn trình bày không chấp nhận phương án chia thừa kế thành 6 phần và giao cho anh Phạm Văn T1 2 phần, bà V yêu cầu chia thừa kế thành 5 phần và giao cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và anh Phạm Văn T mỗi người một phần bằng nhau.

Tại biên bản hòa giải lần 3 ngày 23/04/2018 và lần 4 ngày 09/05/2018, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị C thỏa thuận: Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố là ông Phạm Đ1 và mẹ là bà Dương Thị N2 để lại là toàn bộ thửa đất số 210, tờ bản đồ số 70 bản đồ địa chính chính quy, diện tích 1646,3 m² và ngôi nhà có diện tích 25,3m² gắn liền với đất thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2 thành 05 phần gồm: Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị V mỗi người 01 phần có diện tích 329 m². Còn lại 01 phần có diện tích 329,3 m² giao cho cháu đích tôn Phạm Văn T1 hưởng thừa kế thế vị suất của ông

Phạm Đ2 (là anh trai bà M - cha anh Phạm T1). Bà M, bà H, bà V và bà C mỗi người nhận thừa kế phần diện tích 140m² đất vườn ở và cho cháu Trần Xuân T phần diện tích 189 m² vì cháu T có công giúp đỡ bố mẹ của các bà lúc già yếu. Đối với ngôi nhà có diện tích 25,3m² gắn liền với đất có nguồn gốc do UBND xã T2 làm nhà đại đoàn kết cho em gái Phạm Thị Q1 (đã chết), bà M chịu trách nhiệm kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án và nhận tiền bồi thường chia đều cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và cháu đích tôn Phạm Văn T1. Đối với ngôi nhà của bà Phạm Thị H thì tiếp tục giao cho bà H sở hữu, đối với cây cối trên vườn là của anh T trồng thì giao cho anh T sở hữu.

Bà H, bà V, bà C thỏa thuận gộp phần đất của mình được hưởng thừa kế vào phần đất của bà Phạm Thị M để bà M chịu trách nhiệm kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 và nhận tiền giúp các bà. Mỗi người chịu án phí đối với phần đất tương ứng được hưởng theo quy định của Nhà nước.

Anh T đồng ý với ý kiến của bà M, bà H, bà C và bà V về việc giao toàn bộ cây cối do anh T trồng cho anh T sở hữu và mỗi người cho anh T 189 m² đất vườn ở, tổng số đất vườn ở anh T được hưởng là 756 m². Anh T thỏa thuận chịu án phí đối với phần đất tương ứng anh T được hưởng theo quy định của Nhà nước.

Anh T1 yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Đ1 và bà Dương Thị N2, bà Nguyễn Thị A để lại là thửa đất số 210, tờ bản đồ số 70 bản đồ địa chính chính quy, diện tích 1646,3 m² và ngôi nhà có diện tích 25,3m² gắn liền với đất thuộc địa phận thôn N, xã T3, huyện L1, tỉnh H2 thành 06 phần cho anh T1, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị V. Còn lại 01 phần anh T1 yêu cầu giao lại cho anh T1 để thực hiện việc thờ cúng và xây mộ cho bà Phạm Thị Q1, đồng thời giao lại căn nhà của bà Q1 cho anh T1 quản lý khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng.

Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2018, UBND xã T2 cung cấp: Theo bản đồ số 299 hợp tác xã N, xã T2 thì thửa đất đang tranh chấp giữa bà M và bà H thuộc thửa

509, tờ bản đồ số 01 Hợp tác xã N, xã T2, có diện tích là 2030 m². Theo sổ mục kê ruộng đất lập ngày 01/10/1985, tại sổ thửa 509 (trang 16, tờ bản đồ 01 hợp tác xã N), tên chủ sử dụng đất là: H1, diện tích 2030 m², loại đất T (đất thổ cư). Theo bản đồ địa chính chính quy, thửa đất số 210 tờ bản đồ số 70, diện tích 1646,3 m² bản đồ đo đạc địa chính chính quy xã T2 vẽ năm 2012, đã được sở tài nguyên môi trường phê duyệt.

Ông H1 trong sổ mục kê bản đồ 299 có tên gọi khác là ông Phạm Đ1 (là bố của bà M và bà H).

Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trước đây đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ. Theo Quyết định số 2168/QĐUBND ngày 02/08/2017 của UBND tỉnh H2 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1, thì thửa đất hiện nay không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên khi thu hồi để thực hiện dự án thì thửa đất đủ điều kiện để được bồi thường như những thửa đất khác đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vùng thực hiện dự án.

Ông Phạm Đ1 (đã chết) trước đây lấy 02 vợ gồm và Nguyễn Thị A, sinh ra ông Phạm Đ2 (đã chết) và Phạm Thị L1 (đã chết lúc mới sinh), Ông Phạm Đ2 lấy vợ sinh được một mình anh Phạm Văn T1. Sau khi bà Nguyễn Thị A chết, ông Phạm Đ1 tiếp tục lấy bà Dương Thị N2 (đã chết) và sinh được 05 người con gồm: Phạm Thị M, Phạm Thị H, Phạm Thị C, Phạm Thị V, Phạm Thị Q1 (đã chết). Hiện nay, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Đ1 và bà Dương Thị N2 gồm: Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C. Ngoài ra, anh Phạm Văn T1 là người thừa kế thế vị của ông Phạm Đ2.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2018, UBND xã T2 cung cấp: Ông Phạm Đ2 (đã chết năm 2006) kết hôn với bà Hoàng Thị M (đã chết năm 2005). Khi còn sống ông Đ2 và bà M sinh được bốn người con, gồm: Chị Phạm Thị H1; anh Phạm Văn T1; chị Phạm Thị L; chị Phạm Thị T3 và hai người con đã chết lúc còn nhỏ gồm Phạm Thị G và Phạm T4.

Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2018, UBND huyện L1 cung cấp:

Theo bản đồ 299 Hợp tác xã N, xã T2 thì thửa đất đang tranh chấp giữa bà M và bà H thuộc thửa 509 tờ bản đồ số 01 hợp tác xã N, xã T2, diện tích là 2030 m². Theo sổ mục kê ruộng đất lập ngày 01/10/1985, tại sổ thửa 509 (trang 16, tờ bản đồ số 01 hợp tác xã N) có tên chủ sử dụng đất là H1, diện tích 2030 m², loại đất T (đất thổ cư).

Theo bản đồ địa chính chính quy, thửa đất thuộc thửa số 210 tờ bản đồ số 70, diện tích 1646,3 m² thuộc địa phận thôn N, xã T2. Thửa đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ, nhưng trước đây đủ điều kiện để cấp giấy CNQSDĐ. Theo Quyết định số 2168/QĐUBND ngày 02/08/2017 của UBND tỉnh H2 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1, thì thửa đất hiện nay không đủ điều kiện để cấp giấy CNQSDĐ vì không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Hiện tại dự án đang triển khai thu hồi đất, khi thu hồi thửa đất này để thực hiện dự án thì thửa đất được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2018, UBND huyện L1 cung cấp: Trị giá thửa đất theo Quyết định 94/QĐUB ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh H2 quy định: Đất ở: $105.000 \text{ đ/m}^2 \times 300 \text{ m}^2 = 31.500.000\text{đ}$; đất vườn: $37.500 \text{ đ/m}^2 \times 1.346,3 \text{ m}^2 = 50.486.000\text{đ}$, tổng cộng: 81.986.000đ, bình quân: $81.986.000\text{đ} : 1.646,3 \text{ m}^2 = 49.800 \text{ đ/m}^2$.

Tại biên bản xác minh ngày 08/03/2018, Ban giải phóng mặt bằng huyện L1 cung cấp: Thửa đất số 210 tờ bản đồ số 70 thuộc địa phận thôn N, xã T2 có diện tích 1646,3 m², loại đất ONT (đất vườn ở nông thôn). Trên bản đồ thể hiện chủ sử dụng đất là Phạm T1 nhưng quá trình xây dựng phương án giải phóng mặt bằng cho thấy đang tranh chấp đất giữa ông T1 và bà H và một số chị em bà H. Hiện tại thửa đất này và các thửa đất trong khu vực, Ban giải phóng mặt bằng mới tiến hành đo vẽ, lập bản đồ hiện trạng, chưa kiểm kê tài sản gắn liền với đất và chưa lập hồ sơ bồi thường về đất. Trong thời gian tới, Ban giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã T2 lập hồ sơ bồi thường.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 09/3/2018 thể hiện: Thửa đất thuộc

thửa số 210 tờ bản đồ số 70, bản đồ địa chính chính quy, diện tích 1646,3m², thuộc địa phận thôn N, xã T2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 30,37 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 29,09 m;
- Nam : Giáp đất ông Phạm Đ3, dài: 54,47 m;
- Bắc : Giáp vườn ông Nguyễn Viết S, dài: 55,06 m.

Trên thửa đất có hai căn nhà, căn nhà thứ nhất có diện tích cả nhà và sân là 8 m x 21,2 m = 169,6 m², nằm ở vị trí phía Nam thửa đất, cách đường trục thôn về phía Tây 13,3 m. Căn nhà thứ hai có diện tích là 5,5 m x 4,6 m = 25,3 m², nằm ở vị trí phía Bắc thửa đất, cách đường trục thôn về phía Tây 27,7 m. Trên thửa đất còn có 25 cây Phi lau, đường kính gốc từ khoảng 9 cm đến 15 cm (Có sơ đồ hiện trạng sử dụng kèm theo).

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự trình bày phù hợp với quá trình giải quyết vụ án, đồng thời các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Phạm Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Phạm Thị H1; chị Phạm Thị L; chị Phạm Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó HĐXX áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Phạm Thị V; chị Phạm Thị H; chị Phạm Thị L; chị Phạm Thị T3 là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

Đối với di sản để lại thừa kế: Vợ chồng ông Phạm Đ1 và bà Dương Thị N2 được sử dụng mảnh vườn có diện tích 1646,3 m² tại thửa số 509, tờ bản đồ 01 Hợp tác xã N, hồ sơ 299, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Thửa đất hiện nay được chỉnh lý lại thành thửa đất số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy.

Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trước đây đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ. Theo quyết định số 2168/QĐUBND ngày 02/08/2017 của UBND tỉnh H2 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1, thì thửa đất hiện nay không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên khi thu hồi để thực hiện dự án thì thửa đất đủ điều kiện để được bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; điều 213 BLDS năm 2015, HĐXX xác định thửa đất số số 509, tờ bản đồ 01 Hợp tác xã N, hồ sơ 299, (nay là thửa số số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy), diện tích 1646,3 m², thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2, mang tên ông H1 (tên gọi khác là ông Phạm Đ1), là tài sản chung, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Phạm Đ1 và bà Dương Thị N2. Trên thửa đất có căn nhà đại đoàn kết, diện tích 25,3m² nằm ở vị trí phía Bắc thửa đất, do UBND xã T2 xây dựng cho chị Phạm Thị Q1. Căn cứ vào khoản 2 điều 221 BLDS năm 2015, HĐXX xác định căn nhà diện tích 25,3m² là tài sản của chị Phạm Thị Q1. Ngày 08/10/1995 ông Phạm Đ1 chết, ngày 22/5/2003 bà Dương Thị N2 chết, ngày 30/5/2009 chị Phạm Thị Q1 chết. Trước khi chết ông Phạm Đ1, bà Dương Thị N2 và chị Phạm Thị Q1 không để lại di chúc. Hiện nay các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia toàn bộ di sản của ông Phạm Đ1, bà Dương Thị N2 và chị Phạm Thị Q1 để lại. Do đó HĐXX áp dụng các điều 623, điểm a khoản 1 điều 623, điểm a khoản 1 điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 điều 167, điểm đ khoản 1 điều 179 Luật Đất đai năm 2013 xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để phân chia toàn bộ di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Đ1, bà Dương Thị N2 và chị Phạm Thị Q1 để lại, gồm: Thửa số số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, diện tích 1646,3 m², thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2 và căn nhà diện tích 25,3m² gắn liền với đất là phù hợp.

Đối với hàng thừa kế thứ nhất: Ông Phạm Đ1 (đã chết ngày 08/10/1995) trước đây lấy 02 vợ gồm và Nguyễn Thị A (đã chết) sinh ra ông Phạm Đ2 (đã chết ngày

19/12/2006) và Phạm Thị L2 (đã chết lúc mới sinh). Ông Phạm Đ2 (đã chết năm 2006) kết hôn với bà Hoàng Thị M (đã chết năm 2005). Khi còn sống ông Đ2 và bà M sinh được bốn người con, gồm: Chị Phạm Thị H1; anh Phạm Văn T1; chị Phạm Thị L; chị Phạm Thị T3 và hai người con đã chết lúc còn nhỏ gồm Phạm Thị G và Phạm T4. Sau khi bà Nguyễn Thị A chết, ông Phạm Đ1 tiếp tục lấy bà Dương Thị N2 (đã chết ngày 22/5/2003) và sinh được 05 người con, gồm: Phạm Thị M, Phạm Thị H, Phạm Thị C, Phạm Thị V và Phạm Thị Q1 (đã chết ngày 30/5/2009, trước khi chết chị Q1 không có chồng, con). Ngoài ra ông Phạm Đ1 và bà Nguyễn Thị A, bà Dương Thị N2 không có con nuôi và con riêng nào khác, bố mẹ ông Phạm Đ1 và bà Dương Thị N2 đều chết trước ông Đ1 và bà N2. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 651, điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ1, bà Dương Thị N2 và chị Phạm Thị Q1 gồm: Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị C. Ngoài ra, người thừa kế thế vị của ông Phạm Đ2 gồm: Chị Phạm Thị H1; anh Phạm Văn T1; chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị T3. Tuy nhiên chị Phạm Thị H1; chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị T3 có ý kiến bằng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và nhường phần di sản của mình được hưởng cho anh Phạm Văn T1. Do đó anh Phạm Văn T1 là người thừa kế thế vị của ông Phạm Đ2.

Đối với phương án chia thừa kế: Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị C thỏa thuận: Chia toàn bộ di sản thừa kế của bố là ông Phạm Đ1, mẹ là bà Dương Thị N2 và em gái Phạm Thị Q1 để lại thành 05 phần gồm: Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị V mỗi người 01 phần có diện tích 329 m². Còn lại 01 phần có diện tích 329,3 m² giao cho cháu đích tôn Phạm Văn T1 hưởng thừa kế thế vị suất của ông Phạm Đ2 (là anh trai bà M - cha anh Phạm T1). Anh T1 yêu cầu Tòa án chia toàn bộ di sản thừa kế thành 06 phần cho anh T1, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị V mỗi người một phần. Còn lại 01 phần anh T1 yêu cầu giao lại cho anh T1 để thực hiện việc thờ cúng và xây mộ cho chị Phạm Thị Q1. Việc chia thêm một suất di sản dùng vào việc thờ cúng không được hàng thừa kế thứ nhất chấp nhận, ngoài ra bà Phạm Thị V là người thừa

kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất phản đối bằng văn bản. Do đó HĐXX áp dụng khoản 2 điều 651; khoản 2 điều 660 Bộ luật dân sự năm 1999 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M để phân chia toàn bộ di sản thừa kế theo pháp luật thành 05 suất cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị, mỗi suất thừa kế có diện tích 329 m² đất vườn ở là phù hợp.

Đối với căn nhà diện tích 25,3m² là di sản của chị Phạm Thị Q1, hiện nay nằm trong vùng đất quy hoạch dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 nên không định giá được, do đó HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất về việc giao cho bà Phạm Thị M quản lý căn nhà và bà M có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 và nhận tiền chia đều thành 05 suất thừa kế cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bà M, bà H, bà V và bà C về việc thống nhất tự nguyện thỏa thuận mỗi người nhận thừa kế phần diện tích 140 m² đất vườn ở và mỗi người cho anh Trần Xuân T phần diện tích 189 m² đất vườn ở vì anh T có công giúp đỡ bố mẹ của các bà lúc già yếu. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của bà M, bà H, bà V và bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó chấp nhận và xử giao quyền sử dụng cho anh Trần Xuân T: 756 m² đất vườn ở.

Đối với yêu cầu của bà H, bà V và bà C về việc thống nhất tự nguyện thỏa thuận mỗi người gộp 140 m² đất vườn ở của mình được hưởng thừa kế (sau khi cho anh Trần Xuân T) vào phần đất của bà Phạm Thị M để bà M chịu trách nhiệm kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 và nhận tiền giúp các bà. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của bà M, bà H, bà V và bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó chấp nhận và xử giao quyền sử dụng cho bà Phạm Thị M: 560 m² đất vườn ở.

Trên thửa đất còn có căn nhà diện tích 169,6 m² nằm ở vị trí phía Nam thửa đất là tài sản của bà Phạm Thị H nên giao quyền sở hữu cho bà H và 28 cây Phi lau,

đường kính gốc từ khoảng 9 cm đến 15 cm là của anh Trần Xuân T trồng nên giao quyền sở hữu cho anh T.

Xét về điều kiện chia quyền sử dụng đất trên thực địa: Vị trí thửa đất có giáp giới hướng Tây giáp đường trục thôn và căn nhà chị Phạm Thị Q1 nằm ở vị trí phía Bắc thửa đất, căn nhà của bà Phạm Thị H nằm ở vị trí phía Nam thửa đất. Do đó HĐXX chia thửa đất thành ba phần theo chiều Đông - Tây. Cụ thể:

Giao quyền sử dụng cho bà Phạm Thị M: 560 m² đất vườn ở.

Vị trí: Phía Bắc thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 9,9 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 9,9 m;
- Nam : Giáp phần đất anh T1, dài: 54,4 m;
- Bắc : Giáp vườn ông Nguyễn Viết S, dài: 55,06 m.

Giao quyền sử dụng cho anh Phạm Văn T1: 330,3 m² đất vườn ở.

Vị trí: Nằm giữa thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 6 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 6 m;
- Nam : Giáp phần đất anh T, dài: 54,3 m;
- Bắc : Giáp phần đất bà M, dài: 54,4 m.

Giao quyền sử dụng cho anh Trần Xuân T: 756 m² đất vườn ở.

Vị trí: Phía Nam thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 14,3 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 14 m;
- Nam : Giáp đất ông Phạm Đ3, dài: 54,5 m;
- Bắc : Giáp phần đất anh T1, dài: 54,3 m.

(Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

Đối với Biên bản họp anh em ngày 09/10/2013, do bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C và anh Trần Xuân T thỏa thuận về việc chia cho anh Trần Xuân T $\frac{1}{2}$ thửa đất nhưng không có sự thỏa thuận của tất cả những người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Đ1, do đó HĐXX xác định thỏa thuận đó trái với quy định của pháp luật nên không được công nhận.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 213; khoản 2 điều 221; điều 623, điểm a khoản 1 điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 651, điều 652; khoản 2 điều 660 BLDS năm 2015; khoản 1 điều 167, điểm đ khoản 1 điều 179 Luật đất đai năm 2013; điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959; khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 điều 228 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

Giao quyền sử dụng cho bà Phạm Thị M: 560 m² đất vườn ở.

Vị trí: Phía Bắc thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 9,9 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 9,9 m;
- Nam : Giáp phần đất anh T1, dài: 54,4 m;
- Bắc : Giáp vườn ông Nguyễn Viết S, dài: 55,06 m. (Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

Bà Phạm Thị M có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật và chia đều thành bốn phần cho các bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị C.

Giao quyền sử dụng cho anh Phạm Văn T1: 330,3 m² đất vườn ở.

Vị trí: Nằm giữa thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 6 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 6 m;
- Nam : Giáp phần đất anh T, dài: 54,3 m;
- Bắc : Giáp phần đất bà M, dài: 54,4 m. (Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

Anh Phạm Văn T1 có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Giao quyền sử dụng cho anh Trần Xuân T: 756 m² đất vườn ở.

Vị trí: Phía Nam thửa số 210, tờ bản đồ số 70, Bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn N, xã T2, huyện L1, tỉnh H2. Giáp giới:

- Đông : Giáp đất ông Nguyễn Trọng T5, dài: 14,3 m;
- Tây : Giáp đường trục thôn, dài: 14 m;
- Nam : Giáp đất ông Phạm Đ3, dài: 54,5 m;
- Bắc : Giáp phần đất anh T1, dài: 54,3 m. (Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

Anh Trần Xuân T có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Giao cho bà Phạm Thị M quản lý căn nhà diện tích 25,3m² nằm ở vị trí phía Bắc thửa đất là di sản của chị Phạm Thị Q1. Bà M có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật và chia đều thành 05 suất thừa kế cho bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị C và anh Phạm Văn T.

Giao quyền sở hữu cho bà Phạm Thị H căn nhà có diện tích 169,6 m² nằm ở vị trí phía Nam thửa đất. Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải

phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L1 để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Giao quyền sở hữu cho anh Trần Xuân T 28 cây Phi lau, đường kính gốc từ khoảng 9 cm đến 15 cm. Anh Trần Xuân T có nghĩa vụ kê khai khi nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu khách sạn biệt thự nghỉ dưỡng Quốc tế L để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị C mỗi người phải nộp: 348.000đ (*Ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị M được khấu trừ số tiền 7.000.000đ tạm ứng án phí DSST, trả lại cho bà Phạm Thị M số tiền 6.652.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà theo biên lai thu tiền số 0001686 ngày 10/11/2017.

Buộc anh Phạm Văn T1 phải nộp: 822.000đ (*Tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trần Xuân T phải nộp: 1.882.000đ (*Một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- Phòng Nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Lộc Hà (2 bản);
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- Ban Giải phóng mặt bằng huyện Lộc Hà;
- UBND xã 2;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu văn phòng TA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Lâm

